

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/10/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+P6+TD3	7:25	4+3+15	0+0+0		4+3+15	0+0+0	
2		RCDM+RP3	7:25	15+7	0+0		5+17	0+0	
3		JS2+RC3	7:25	15+7	0+0		14+8	0+0	
4		TD5+JS2	7:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
5		T.UNG	7:25	16	0		19	0	
6		RC5+RC6	9:25	13+9	0+0		7+15	0+0	
7		TD3+TD5	9:25	12+10	0+0		2+20	0+0	
8		TTCl+P4+TD3	9:25	5+4+13	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
9		RC4+RP1	9:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
10		RP2	11:25	22	0		22	0	
11		RP3	11:25	22	0		22	0	
12		JS2+RCDM	11:25	20+1	0+0		18+4	0+0	
13		RP2+RP3	11:25	10+11	0+0		11+11	0+0	
14		RP1+RC5	13:25	7+9	0+0		5+17	0+0	
15		RP1+RP3	13:25	12+0	0+0		17+4	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY RC5- 5NG, RCDM-4NG, CTC1- 3NG (JS2)



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P3 - P6 - TD3	CREW: ATUÁN - Nam - THỤ	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHUCK	P3	66-67	2	17		112	KH-THAC	Russian
2	ĐINH VĂN TÂM	P3	68	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC KHÔI	P3	76	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TÂN PHONG	P3	65	1	14		56	KH-THAC	Vietnamese
5	NINH QUỐC HỘI	P6					80	KHAI THA	Vietnamese
6	TRẦN VĂN SƠN	P6	14	1	6		60	GETRACO	Vietnamese
7	PHAN MẠNH LINH	P6	12	1	4		67	GETRACO	Vietnamese
8	KODZOEVI M.M	TD3	03	1	11	30	93	KHOAN	Russian
9	SOROKA ANATOLY	TD3	13	1	11		115	KHOAN	Russian
10	VƯƠNG HỮU QUỐC THAI	TD3	08	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	11	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THỌ	TD3	02	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN BÁT	TD3	04-05	2	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG MINH TOAN	TD3	09	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
15	TRANG NGỌC HUNG	TD3	10	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
16	TRINH DUY SƠN	TD3	12	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
17	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	14	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
18	NGO VAN KIEM	TD3	06	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	VU LONG PHI	TD3	07	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3					82	KHOAN	Vietnamese
21	NGO DUY THANH	TD3	01	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
22	VU TRONG NGHIA	TD3					76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	4	5	55	298	0	4		
2	P6	3	2	10	207	0	3		
3	TD3	15	14	77	1.126	30	15		
TOTAL		22	21	142	1.631	30	22		
WEIGHT KG				142	1.631	30			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2019	TO: RCDM - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Vậ - CHIẾN - HIẾU	ETA: 09:15
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAMARENKO	RCDM	33	1	10		70	D-HANH	Russian
2	HUYNH XUAN TRUONG	RCDM					80	D-HANH	Vietnamese
3	SHEVCHENKO	RCDM	20	1	6		70	KH-THAC	Russian
4	KAZIKOV	RCDM	22	1	5		100	ANTOAN	Russian
5	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	28-29	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO ĐAC TOAN	RCDM	26	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI QUỐC VIỆT	RCDM	23	1	5	30	70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG MINH DUNG	RCDM				50	75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRỌNG KHANG	RCDM	24	1	5	22	63	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ NGỌC THAI SƠN	RCDM	27	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN CONG PHU	RCDM	39	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN MINH	RCDM	34-35	2	17		70	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYEN SY HUA	RCDM	30-32	3	10		65	T-TIN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH NHAN	RCDM	21	1	5		63	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC TUAN	RCDM	36	1	6		75	DK9	Vietnamese
16	VO TAN CHAU	RP3	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI ANH SON	RP3	97	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO QUANG HUNG	RP3	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	01	1	5	30	60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	600	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VƯƠNG HÙNG	RP3					70	KHI	Vietnamese
22	PHẠM HỒNG LINH	RP3	98	1	5		75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	15	17	106	1.078	102	5		
2	RP3	7	6	33	481	30	17		
TOTAL		22	23	139	1.559	132	22		
WEIGHT KG				139	1.559	132			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

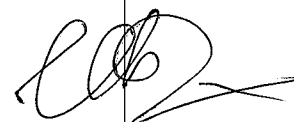
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: JS2 - RC3	CREW: TUYỀN - Khang - Toan	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI QUANG NINH	JS2	694	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HUNG	JS2	87,86	2	15		57	D-HANH	Vietnamese
3	PHAM DINH QUYEN	JS2	689,690	2	11		70	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TIEN	JS2	96	1	5	45	69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN ĐỨC HAI	JS2	95	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN NINH	JS2	03	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CANH	JS2	12	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN TUAN NGHIA	JS2	92	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	35	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
10	LE THANH NGOC	JS2	99	1	4		50	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC THUONG	JS2	09	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	696	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUC MANG	JS2	40	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC HAI	JS2	36	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
15	DO PHU DAT	JS2	34	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	02	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀU HUY HOANG	RC3	05-06	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TAN HONG	RC3	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG HOANG ANH	RC3	07	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CÔNG AN	RC3	03	1	4	42	72	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ ĐỨC LONG	RC3	01	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VĂN QUYÊN	RC3	08	1	3		55	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	15	17	101	1.009	45	14		
2	RC3	7	8	41	472	42	8		
TOTAL		22	25	142	1.481	87	22		
WEIGHT KG				142	1.481	87			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: TD5 - JS2	CREW: ĐỨC - LHải - thông	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	77	1	7	55	79	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẠO QUANG MINH	TD5	56	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
3	ALEKHIN A.G	TD5	54	1	7		100	KHOAN	Russian
4	TRÌNH DUY THANH	TD5	78	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	75	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THỂ	TD5	51	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	53	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐAM	TD5	55	1	8		84	KHOAN	Vietnamese
9	BUI MINH TUAN*PK-PVD	TD5	22	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	16	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẠO THANH SƠN	TD5	19	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VINH DUY	TD5	20	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	52	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
14	VÔ NGUYỄN KHANG	TD5	26	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	17	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	TÔ THANH HÙNG	TD5	74	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN MINH CÔNG	TD5	76	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN CAO KHANH	TD5	18	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TÙNG	TD5	72	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN HÒN	TD5	73	1	12		81	KHOAN	Vietnamese
21	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	21	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
22	LƯU THỂ ĐIỆN	TD5	71	1	5		69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

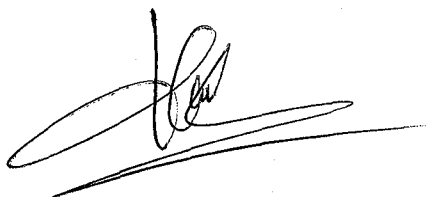
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	22	129	1.538	55	19		
2	JS2	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	22	129	1.538	55	22		
WEIGHT KG				129	1.538	55			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:25
FLIGHT: 05	TO: T.UNG	CREW: Lạc - MMinh	ETA: 10:30
XANH-1 A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM GIÁP TRÍ	T.UNG	58	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
2	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	51	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	57	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ HUNG TUÂN	T.UNG	54	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN MINH TÂM	T.UNG	56	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VIỆT TÙNG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO VĂN CUÔNG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐAN	T.UNG	55	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	52	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY DŨ	T.UNG	59	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO THANH TÙNG	T.UNG	60	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	T.UNG	49-50	2	15		50	KH-THAC	Vietnamese
13	TÀNG MẠNH HÀ	T.UNG	53	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ANH TUÂN	T.UNG	63	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
15	KHÔNG TIẾN DŨNG	T.UNG	69	1	5		78	PVGAS	Vietnamese
16	LÊ DINH THAO	T.UNG	61-62	2	15	79	66	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	16	16	82	1.134	79	19		
TOTAL		16	16	82	1.134	79	19		
WEIGHT KG				82	1.134	79			

GRAND TOAL: 1.295 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: RC5 - RC6	CREW: ATUẤN - Nam - THỤ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	RC5	67	1	5	70	75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG TỰ	RC5	81	1	2		65	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG THẮNG	RC5					70	KH-THAC	Vietnamese
4	KIREEV	RC5	68	1	5		87	NIPI	Russian
5	BUI ĐÌNH PHI	RC5	66	1	4		65	NIPI	Vietnamese
6	GUSEINOV	RC5	74-75	2	16		84	KH-THAC	Russian
7	BAMBUROV	RC5	76	1	11		100	KH-THAC	Russian
8	HOÀNG TỊ	RC5					60	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ QUỐC HUY	RC5	73	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CỤC	RC5	70	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LINH	RC5	71	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NAM THẮNG	RC5	69	1	3		100	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	RC5	72	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN MINH THI	RC6	22	1	5	35	118	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN TÙNG	RC6	20	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN TRƯỞNG	RC6	16-17	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN TRUNG	RC6	19	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
18	CHU VĂN HAY	RC6	12-13	2	15		82	XAYLAP	Vietnamese
19	LÀ TUẤN LINH	RC6	10-11	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN MINH TÂM	RC6	14-15	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG THANH SƠN	RC6	09	1	11	15	70	XAYLAP	Vietnamese
22	KIEU MINH QUYẾT	RC6	18	1	10		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	13	12	81	1.011	70	7		
2	RC6	9	13	90	681	50	15		
TOTAL		22	25	171	1.692	120	22		
WEIGHT KG				171	1.692	120			

GRAND TOAL: 1.983 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2019	TO: TD3 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG HOÀN	TD3	51	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	44	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	44	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG BẢNG	TD3	42	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	40	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG NAM	TD3	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG HỮU TÀI-MC-PVD	TD3	52	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN QUÂN-PVDT	TD3	46-47	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ HỮU HẬU	TD3	45	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM THANH DŨNG	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
11	VÔ THANH TIỀN	TD3	48	1	10		78	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM TIỀN CƯỜNG	TD3	49-50	2	17		75	CODIEN	Vietnamese
13	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	33	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN CAO DANH	TD5	35	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN NGUYỄN-PVDT	TD5	93	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN THUẬN VŨ	TD5	94	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG ANH	TD5	30-31	2	5		60	ANTOAN	Vietnamese
18	DOBROVOLSKY O.A.	TD5	83	1	17		85	DVL	Russian
19	TRẦN VĂN MẠNH	TD5	34	1	15		65	DVL	Vietnamese
20	LÀ MINH TU	TD5	32	1	5		58	DVL	Vietnamese
21	LƯƠNG MẠNH HẢI	TD5	91-92	2	17		70	DVL	Vietnamese
22	ĐOÀN MINH HƯƠNG	TD5	29	1	5		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	12	13	84	857	0	2		
2	TD5	10	12	90	682	0	20		
TOTAL		22	25	174	1.539	0	22		
WEIGHT KG				174	1.539	0			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT:	TO: TTC1 - P4 - TD3	CREW: TUYỀN - Khang - Toan	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUƠNG ANH TUÂN	TTC1	88	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN CHÁNH	TTC1	87	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐỨC THUAN	TTC1	89	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGUYỄN TRUNG THÀNH	TTC1	90	1	10		96	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THIÊN NAM	TTC1	91	1	14		78	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẠO THỂ VŨ	P4	05-06	2	19		74	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGỌC LAM	P4	03	1	5	50	65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN LẬP QUỐC	P4	02	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ VĂN HOA	P4	04	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN PHÚ	TD3	28	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
11	VƯƠNG ĐỨC TRỌNG	TD3	26-27	2	8		75	CODIEN	Vietnamese
12	LY XUAN TRUNG	TD3	17-18	2	11		70	YTE	Vietnamese
13	QUÁCH ĐẮC THÂN	TD3	30	1	4		50	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG	TD3	21	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	HOANG VĂN THẮNG	TD3	24	1	4		52	PSV	Vietnamese
16	ĐINH QUANG KHÔI	TD3	29	1	4		70	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ XUÂN CHÍNH	TD3	25	1	7		63	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN PHÚ QUANG	TD3	23	1	3		62	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN DŨAN	TD3	22	1	3		75	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN HẠNH	TD3	20	1	5		74	PSV	Vietnamese
21	PHẠM CÔNG ĐIỆN	TD3	19	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	5	5	50	379	0	0		
2	P4	4	5	35	262	50	0		
3	TD3	12	14	64	801	0	22		
TOTAL		21	24	149	1.442	50	22		
WEIGHT KG				149	1.442	50			

GRAND TOAL: 1.641 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2019	TO: RC4 - RP1	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: ĐỨC - L Hải - thông	ETA: 11:40
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	70	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC TÂN	RC4	72	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN CÔNG	RC4	71	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THE VŨ	RC4	69	1	6	70 + 25	71	KH-THAC	Vietnamese
5	DUƠNG PHÁT	RC4	65	1	12		79	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI VĂN TUƠNG	RC4	68	1	3		67	PSV	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HÙNG	RC4	66	1	6		77	PSV	Vietnamese
8	MAMEDOV E.	RP1	09	1	7		78	KH-THAC	Russian
9	KOROQLUEV RAMIL	RP1	05	1	8		68	KH-THAC	Russian
10	NIKITIN DMITRIY	RP1	03	1	6		85	KH-THAC	Russian
11	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG TUNG	RP1					74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC PHÒNG	RP1	13	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	10	1	3	45	80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	11	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	04	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN MINH HIỂU	RP1	08	1	12		58	KH-THAC	Vietnamese
18	TAO QUANG NGÂN	RP1	01	1	15		63	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	07	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	06	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NAM SINH	RP1	02	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	12	1	8		88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	7	7	45	509	70 + 25	6		
2	RP1	15	13	88	1.106	45	16		
TOTAL		22	20	133	1.615	115	22		
WEIGHT KG				133	1.615	115			

GRAND TOAL: 1.863 KGS + 15

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	TO: RP2	CREW: Nam - TRƯỜNG - Toan	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN BAN	RP2	76	1	6	70	60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN LY	RP2	87-88	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC SANG	RP2	72	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VŨ QUYÊN	RP2	85	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN LONG	RP2	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HOANG	RP2	83	1	2		85	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	RP2	71	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐÌNH YÊN	RP2	74	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO VĂN TUẤN	RP2	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH DUY	RP2	90-91	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH VĂN QUÂN	RP2	77	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THANH	RP2	89	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN QUỐC KHANH	RP2					73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	75	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC VINH	RP2	86	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	78	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THANH TUẤN	RP2	79	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM QUANG LỢI	RP2	73	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT NHƯNG	RP2	82	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ DUY QUYÊN	RP2	80	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	84	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	22	105	1.490	70	22		
TOTAL		22	22	105	1.490	70	22		
WEIGHT KG				105	1.490	70			

GRAND TOAL: 1.665 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 08	TO: RP3	CREW: Hồi - MTuấn - HIẾU	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRONG HAI	RP3	45	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN DUC THUAN	RP3	44	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN SƠN	RP3	47	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG VŨ	RP3					75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ANH	RP3	40-41	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG XUÂN HUNG	RP3					60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HOANG	RP3	48-49	2	12		86	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VĂN HÒA	RP3	34-35	2	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	33	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP3					53	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VĂN HIEN	RP3	42-43	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	31	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	39	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	LUONG VĂN LUONG	RP3	50	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LAI ĐỨC BAY	RP3	32	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DOAN THANH	RP3	37-38	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN KHIEM HIẾU	RP3	46	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TƯ HAI	RP3					63	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3					60	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ QUANG HUNG	RP3	36	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI ĐỨC THUẬN	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	21	100	1.495	0	22		
	TOTAL	22	21	100	1.495	0	22		
	WEIGHT KG			100	1.495	0			

GRAND TOAL: 1.595 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:00
FLIGHT: 12	TO: JS2 - RCDM	CREW: Khang - TUYỀN - Toan	ETA: 13:40
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN DUNG	JS2	21	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN HOAI NIEM	JS2	18	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
3	BUI CAO HUY	JS2	03	1	1		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN VINH	JS2	15-16	2	14		77	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TRAN HIEN	JS2	93	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN XUAN PHU	JS2	08	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
7	LE TRUNG SON	JS2	94	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN CONG HOANG	JS2	900	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO TUAN ANH	JS2	98	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN CONG TUYEN	JS2	97	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN HUYEN	JS2	90-91	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VU NGOC TU	JS2	89	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM THE QUANG	JS2	14	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
14	VU DUC SANG	JS2	13	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI XUAN TRUONG	JS2	17	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
16	VO TRONG NHIEN	JS2	09	1	10	41	51	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN GIA CUONG	JS2	10-11	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VAN GIANG	JS2	20	1	7		71	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYEN MANH CUONG	JS2	95	1	10		59	KHOAN	Vietnamese
20	EREMEEV	JS2	88	1	11		94	KHOAN	Russian
21	PHAM NGOC PHUONG	RCDM	35	1	10		75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	20	23	149	1.392	41	18		
2	RCDM	1	1	10	75	0	4		
TOTAL		21	24	159	1.467	41	22		
WEIGHT KG				159	1.467	41			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 13	TO: RP2 - RP3	CREW: LHai - VTHU - thông	ETA: 13:50
DO-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÀNG VĂN ĐỨC	RP2	38	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ CHI CUÔNG	RP2	35	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM BÁ HOÀNG	RP2	37	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	32	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ TUẤN ANH	RP2	36	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HAI SANG	RP2	39	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
7	BABKIN A.N	RP2	33	1	8		88	KH-THAC	Russian
8	BUI ĐỨC HẬU	RP2	34	1	8	25	64	CODIEN	Vietnamese
9	VÔ THANH NHẬT	RP2	41	1	7		61	GETRACO	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP2	40	1	15		69	YTE	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC HUY	RP3	56	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	RP3	59-60	2	15		66	YTE	Vietnamese
13	HOÀNG ĐÌNH CHIẾN	RP3	55	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC GIAO	RP3	53	1	5		48	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC HUY	RP3	51	1	8		53	PSV	Vietnamese
16	TÀ QUANG QUYÊN	RP3	61	1	8		92	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIẾU	RP3	58	1	3		50	PSV	Vietnamese
18	TRẦN BA MẬU	RP3	54	1	4		62	PSV	Vietnamese
19	LÊ THANH HẢI	RP3	57	1	7		60	PSV	Vietnamese
20	VUÔNG ĐÌNH VỊ	RP3	52	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	10	10	65	686	25	11		
2	RP3	10	11	63	618	0	11		
TOTAL		20	21	128	1.304	25	22		
WEIGHT KG				128	1.304	25			

GRAND TOAL: 1.457 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2019	TO: RP1 - RC5	AIRCRAFT: 846	ETD: 14:00
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: Nam - TRƯỜNG - Toan	ETA: 15:40
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	17	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN KHÁC HỒNG	RP1	19	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG ĐÌNH BA	RP1	20	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HUNG CUÔNG	RP1					85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BA QUÝ	RP1	22	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	21	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN THUY	RP1	18	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TUÂN	RC5	85	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG TRỌNG BAI	RC5	84	1	13		71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TRUNG HIỆU	RC5	87	1	18		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TRI	RC5	83	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI QUỐC CUÔNG	RC5	86	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	82	1	3	78	67	PSV	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC CUÔNG	RC5	98	1	5	16	68	PSV	Vietnamese
15	VŨ ANH TUÂN	RC5	89	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
16	VUÔNG QUỐC VIỆT	RC5	88	1	4		68	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	7	6	34	515	0	5		
2	RC5	9	9	80	616	94	17		
TOTAL		16	15	114	1.131	94	22		
WEIGHT KG				114	1.131	94			

GRAND TOAL: 1.339 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:05
FLIGHT:	TO: RP1 - RP3	CREW: Hôi - MTuấn - HIẾU	ETA: 15:45
NAU-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN THANH CÔNG	RP1					55	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐÌNH THẮNG	RP1	86	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG THE ANH	RP1	88	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG QUANG TUU	RP1	96-97	2	10		70	T-TIN	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC HUY	RP1	98-99	2	13		61	T-TIN	Vietnamese
6	QUACH VAN THAO	RP1	94-95	2	6		75	YTE	Vietnamese
7	NGUYEN QUỐC HOAN	RP1	90	1	5		67	PSV	Vietnamese
8	HÀ QUỐC VINH	RP1	91	1	5		65	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN VIET DUNG	RP1	89	1	5		78	PSV	Vietnamese
10	LÊ VĂN QUY	RP1	87	1	7		69	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN HUÂN	RP1	92	1	3		70	PSV	Vietnamese
12	PHAN TÁ ĐIỆP	RP1	93	1	7		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	12	14	74	807	0	17		
2	RP3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		12	14	74	807	0	21		
WEIGHT KG				74	807	0			

GRAND TOAL: 881 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/10/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK5+CTK3	7:25	13+2+7	0+0+0		8+4+10	0+0+0	
2		CLO+JS2	7:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
3		AMD+CTK3	7:25	12+0+10	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
4		P4+AMD	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
5		VSP02	9:25	22	0		22	0	
6		AMD+CNV+VSP01	9:25	10+12	0+0		6+15	0+0	
7		BK14+BK9+CTK3	9:25	8+9+5	0+0+0		8+6+8	0+0+0	
8		CLO+PPD	9:25	21+1	0+0		4+18	0+0	
9		VSP02+CTK3	11:25	18+4	0+0		16+6	0+0	
10		PPD+TD1	11:25	15+7	0+0		13+9	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VÀ TRONG NGÀY PPD-2NG.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PPD - BK5 - CTK3	CREW: Vận - MTuấn - Toan	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY ĐỒNG	PPD	78	1	3		67	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN KHẮC HÀ TRUNG	PPD	80	1	6		70	D-HANH	Vietnamese
3	LÊ TIẾN DUNG	PPD	84-85	2	15		81	NHA THAI	Vietnamese
4	KHUC NGOC HIEU	PPD	86-87	2	8	60	85	NHA THAI	Vietnamese
5	BUI VAN VIEN	PPD	81	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG VAN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PPD	82	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VAN ĐÀO	PPD	88	1	3		98	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD					67	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO MẠNH HUY	PPD	83	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	79	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN VIỆT	PPD	77	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ ĐỨC VỌNG	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	BK5	89-90	2	17	45	75	CODIEN	Vietnamese
15	ĐỖ XUÂN LINH	BK5	91-92	2	17		82	CODIEN	Vietnamese
16	BUI THE DIEN	CTK3	60	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	59	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	55	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	SMIRNOV	CTK3	57	1	5		100	KH-THAC	Russian
20	BUI KHAC PHONG	CTK3	61	1	5	22	74	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG XUAN HIEU	CTK3	58	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG TUAN	CTK3	56	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	12	62	963	60	8		
2	BK5	2	4	34	157	45	4		
3	CTK3	7	7	31	520	22	10		
TOTAL		22	23	127	1.640	127	22		
WEIGHT KG				127	1.640	127			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

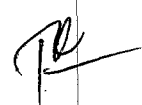
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 2	TO: CLO - JS2	CREW: LHai - VTHU - thông	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU LONG	CLO	80-81	2	13		60	KHOAN	Vietnamese
2	TÔ ANH TUẤN	CLO	69-70	2	17		76	KHOAN	Vietnamese
3	DATSO PAVEL	CLO	83-84	2	17		110	KHOAN	Russian
4	BUI ĐỨC LUAN	CLO	87-88	2	13	35	74	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN CÔNG PHÚ	CLO	82	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	71	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN KIM HÙNG	CLO	58	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN PHÚ VINH	CLO	73	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN PHÓN	CLO	68	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN SANG	CLO	61	1	8		57	KHOAN	Vietnamese
11	BUI TRẦN NAM	CLO	85-86	2	17		66	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ MINH HIỆP	CLO	74	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ HẢI LONG	CLO	72	1	9		73	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN THANH TÂM	CLO	77	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM MINH HOÀNG	CLO	75	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN ĐỊNH	CLO	60	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
17	VU THE NANG	CLO	89	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
18	LÀ VIỆT HÙNG	CLO	76	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TƯƠNG LONG	CLO	78	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	66-67	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	59	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	79	1	6		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	28	196	1.567	35	15		
2	JS2	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	28	196	1.567	35	22		
WEIGHT KG				196	1.567	35			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/10/2019	TO: AMD - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Khang - Thanh - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIỀU VĂN TUẤN	AMD	92	1	3	35	75	PSV	Vietnamese
2	TRINH THUONG MAI	AMD	88	1	8		60	TLJOC	Vietnamese
3	TRINH BICH NGOC	AMD	45-46	2	16		70	TLJOC	Vietnamese
4	PHAM VAN AN	AMD	91	1	10		68	HLJOC	Vietnamese
5	LA NGOC HOAN	AMD	95	1	10		67	HLJOC	Vietnamese
6	CU XUAN HUY	AMD	90	1	5	22	60	HLJOC	Vietnamese
7	THAI THANH THAO	AMD	89	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET THANG	AMD	50	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VAN GIANG	AMD	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG LONG	AMD	85-86	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO THỂ THANH	AMD	43-44	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM TUẤN CHUNG	AMD	87	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI SY LONG	CTK3	77-78	2	17	35	75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TUẤN MINH	CTK3	51-52	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
15	HÀ MINH GIANG	CTK3	05	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRỌNG KIM	CTK3	44	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN QUANG TUAN	CTK3	79	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC TUONG	CTK3	46	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG QUỐC BAO	CTK3	48-49	2	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VĂN TUẤN	CTK3	45	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM QUỐC CUONG	CTK3	50	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THANH QUANG	CTK3	47	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

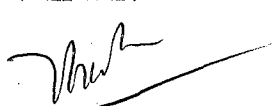
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	15	107	817	57	8		
2	CTK3	10	13	58	688	35	14		
TOTAL		22	28	165	1.505	92	22		
WEIGHT KG				165	1.505	92			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

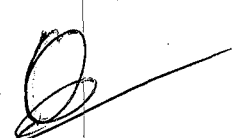
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: P4 - AMD	CREW: Hôi - CHIẾN - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH CHÁNH	P4	01	1	6		80	PVGAS	Vietnamese
2	VŨ HỒNG ĐIẾP	P4	04	1	7		50	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM HOANG NAM	P4	02-03	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ MINH THUẬN	AMD	20-21	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN KHÁC TOÀN	AMD	03	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU ĐỨC CHÍ	AMD	24-25	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO SỸ KHÔI	AMD	10	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BÁC HÀ	AMD	01	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRI TRUNG	AMD	14	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRUNG KIEN	AMD	07	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG LONG	AMD	22	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI NGUYỄN HAI VI	AMD	16	1	9	70	85	KH-THAC	Vietnamese
14	PHI MẠNH HẢI	AMD	02	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG LÊ ANH DŨNG	AMD	23	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH TÂN	AMD	15	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐÌNH TUẤN	AMD	17	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC HẢI	AMD	18-19	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	OKTO SOLIDEO SILABAN	AMD	05-06	2	18		75	HLJOC	Indonesian
20	VU THANH DAT	AMD	08-09	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG QUÂN	AMD	11	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HỮU	AMD	12-13	2	18		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	3	4	29	205	0	0		
2	AMD	19	25	181	1.352	70	22		
TOTAL		22	29	210	1.557	70	22		
WEIGHT KG				210	1.557	70			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/10/2019	TO: VSP02	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - Toan	ETA: 11:20
XANH-2			

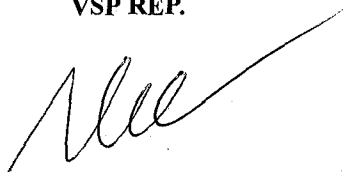
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN DOANH	VSP02	64	1	5		67	VIỆT PHÁT	Vietnamese
2	POKLONSKY	VSP02	59	1	3		84	KH-THAC	Russian
3	ĐẶNG NGỌC CUƠNG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG SÔNG	VSP02					88	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HÀNG HAI	VSP02	62	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	57-58	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI XUAN TIEN	VSP02	56	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	VU THAI SON	VSP02	51	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN CHIEN THANG	VSP02	61	1	5	10	75	KH-THAC	Vietnamese
10	LE CONG HOAN	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02					60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH THAO	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG TRUNG VIET	VSP02	65	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	66	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	VÕ TÂN LINH	VSP02	60	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	63	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LE DINH KHOA	VSP02	54	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO QUỐC TRÌNH	VSP02	55	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HÀ	VSP02	49	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI HUY BÌNH	VSP02					82	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN HUU KHANH	VSP02	50	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

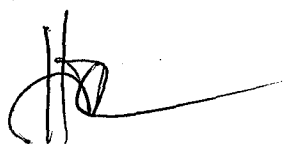
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	17	86	1.536	10	22		
	TOTAL	22	17	86	1.536	10	22		
	WEIGHT KG			86	1.536	10			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	TO: AMD - CNV - VSP01	CREW: Khang - Thanh - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUÂN ANH	AMD	30-31	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG HUU TRONG	AMD	37-38	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN MẠNH	AMD	42-43	2	13	37	71	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ CHIẾN THẮNG	AMD	35-36	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ MẠNH ĐIẾP	AMD	99-200	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HIỆP THÀNH	AMD	94-95	2	19		85	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG NGỌC SƠN	AMD	32-33	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HỮU TỬ	AMD	34	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN TUÂN	AMD	97-98	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI QUANG HẠNH	AMD	96	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	QUÁCH SỸ NGUYỄN	AMD	39	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HOANG	AMD	40-41	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	26	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	32	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC KIỂM	CNV	28	1	4	21	81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CNV					82	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO TRỌNG HIỆP	CNV	33	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	27	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ VIỆT BÌNH	CNV	25	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯƠNG ANH VŨ	CNV	30	1	5	61	66	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VŨ HÙNG	CNV	29	1	17		81	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	CNV	31	1	2		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	21	127	821	37	7		
2	CNV	10	9	62	737	82	6		
3	VSP01	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	30	189	1.558	119	22		
WEIGHT KG				189	1.558	119			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/10/2019	TO: BK14 - BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hôi - CHIẾN - DTùng	ETA: 11:30
VANG-2			

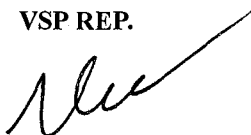
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE VAN TOAN	BK14	66	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
2	LE THANH LIEM	BK14	60	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐAO KIM CUONG	BK14	63	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DINH HUY	BK14	67	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO PHAM THANH HUY	BK14	62	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN KHAC THANG	BK14	61	1	7	55	60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DAN QUE	BK14	64	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TIEN CUONG	BK14	65	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	TRAN NGOC CHINH	BK9	75	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DUC CUONG	BK9	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐAO VIET HUNG	BK9	80	1	10	55	65	KH-THAC	Vietnamese
12	LE VAN BINH	BK9					74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM DINH TUAN	BK9	82	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN HUAN	BK9	77	1	5		60	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN TOAN THANG	BK9	78-79	2	18		66	CODIEN	Vietnamese
16	TRAN VAN NANG	BK9	76	1	8		65	PSV	Vietnamese
17	BUI DUC ANH	BK9	74	1	7		70	PSV	Vietnamese
18	LE VAN LAM	CTK3	92	1	10	20	70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN HUU BAO	CTK3	64	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO VAN BINH	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM QUANG THAI	CTK3	90	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MINH TUAN	CTK3	91	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	8	8	60	524	55	8		
2	BK9	9	9	67	612	55	6		
3	CTK3	5	4	35	386	20	8		
TOTAL		22	21	162	1.522	130	22		
WEIGHT KG				162	1.522	130			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

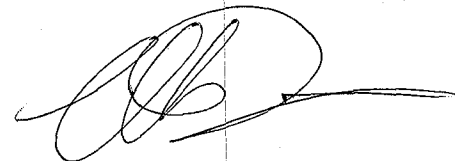
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2019	TO: CLO - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - thông	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH HẢI	CLO	07	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
2	LE ANH TUAN	CLO	03-04	2	11		71	DKIEM	Vietnamese
3	PHAN VIỆT HUNG	CLO	09	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG KIM DƯƠNG	CLO	05	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
5	VÕ VĂN HUNG	CLO	19	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN LONG	CLO	06	1	2		64	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM NAM HAI	CLO	20	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
8	BUI TRƯỜNG SINH	CLO					75	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN BÌNH	CLO	13	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ MẠNH HUNG	CLO	11-12	2	9		72	KHOAN	Vietnamese
11	NG VĂN LỤC*CAM-PVDT	CLO	10	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
12	BUI NGOC TU	CLO	16	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN HUYNH LAM	CLO	02	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ HỮU KẾ	CLO	17-18	2	15		82	KHOAN	Vietnamese
15	THAI ĐỨC DỪNG	CLO	21-22	2	20	55	85	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN DUY QUANG	CLO	14	1	10	25	89	YTE	Vietnamese
17	VŨ MẠNH HƯỜNG	CLO	08	1	8		50	PSV	Vietnamese
18	LAI ĐÌNH HẢI	CLO	23	1	8		85	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TUÂN	CLO	25	1	3		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	CLO	26-27	2	10		75	PSV	Vietnamese
21	PHAN MINH TUÂN	CLO	24	1	5		72	PSV	Vietnamese
22	ĐO ĐỨC QUÂN	PPD	94	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	21	25	160	1.515	80	2		
2	PPD	1	1	5	70	40	20		
TOTAL		22	26	165	1.585	120	22		
WEIGHT KG				165	1.585	120			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/10/2019	TO: VSP02 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - Toan	ETA: 13:30
nau-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ MẠNH THẮNG	VSP02	77	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO ĐỨC CHU	VSP02	74	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	76	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN GIAP	VSP02	75	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
5	LŨ SƠN	VSP02	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	79	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TẠ VĂN CUÔNG	VSP02	80-81	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN QUYET	VSP02					52	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO TRUNG DUNG	VSP02	69	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	VU HAI ĐĂNG	VSP02	82	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	71	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VAN THOẠI	VSP02					70	YTE	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC TỰ	VSP02					80	PSV	Vietnamese
14	VÔ XUÂN TOÀN	VSP02	68	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	HOANG VAN TRUNG	VSP02	67	1	5		80	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TUAN	VSP02	75	1	5		68	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HUONG	VSP02	73	1	3		60	PSV	Vietnamese
18	LUƠNG MẠNH HUƠNG	VSP02	70	1	5		63	PSV	Vietnamese
19	ROGINSKY	VSP02	83	1	10		110	ANTOAN	Russian
20	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	51,53	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ĐÌNH KHA	CTK3	47	1	5	20	66	CODIEN	Vietnamese
22	PHAN VĂN TUẤN	CTK3	48-49	2	10	10	75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	19	17	86	1.324	0	16		
2	CTK3	3	5	32	211	30	5		
TOTAL		22	22	118	1.535	30	21		
WEIGHT KG				118	1.535	30			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	TO: PPD - TD1	CREW: TUYỀN - Khang - HIẾU	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI NANG PHONG	PPD	500	1	7	50	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN SON	PPD	86	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	91-92	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VIET TIEN	PPD	01-02	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	BIEN MINH SON	PPD	88	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN THANH TRI	PPD	93	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DANG QUANG	PPD	85	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM TRAN HUU PHUC	PPD	90	1	6		99	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD					63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHUONG	PPD	94	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC KHANH	PPD	98	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
12	FESENKO	PPD	89	1	7		65	NIPi	Russian
13	TRAN TIEU LONG	PPD	99	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN DUC	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
15	LE MINH PHUNG	PPD	87	1	6		75	KHI	Vietnamese
16	BUI VAN QUAN	TD1	64	1	11	55	78	BAKER HU	Vietnamese
17	LE VAN BIEN	TD1	63	1	10		61	BAKER HU	Vietnamese
18	THAI DOAN MAO	TD1	66	1	10		67	BAKER HU	Vietnamese
19	HA NGOC LAM	TD1	62	1	11		74	BAKER HU	Vietnamese
20	NGO MINH CHANH	TD1	65	1	11		60	BAKER HU	Vietnamese
21	PHAM QUOC TUAN	TD1	67-68	2	16		65	BAKER HU	Vietnamese
22	NGUYEN PHI LONG	TD1	61	1	10	15	71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	15	72	1.105	50	13		
2	TD1	7	8	79	476	70	9		
TOTAL		22	23	151	1.581	120	22		
WEIGHT KG				151	1.581	120			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN